

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/10/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thái Dìn

2. Bà Trịnh Thị Khanh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nhữ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 và và Quyết định hoãn phiên toà số: 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị L, sinh ngày: 05/01/1985

Số CCCD: 034185006144; Cấp ngày: 16/6/2023; Nơi cấp: Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa (Trước đây là thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa).

Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh ngày: 10/11/1983

Số CCCD: 038083004344

Thôn T, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa (Trước đây là thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa).Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2025 và bản tự khai nguyên đơn chị Mai Thị L trình bày: Chị và anh N tự nguyện kết hôn, tổ chức cưới theo tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn ngày 27/02/2008 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã Đ, tỉnh Thanh Hóa). Hôn nhân hạnh phúc thời gian đầu, do khó khăn về kinh tế anh N đi làm, dẫn đến vợ chồng phải nhặt về tình cảm, anh N ghen tuông vô cớ dẫn đến tranh cãi, chị đã cố gắng nhẫn nhịn để gia đình êm ấm, lo cho con ăn học, nhưng anh N không thay đổi, nhiều lần chửi bới, xúc phạm chị dù gia đình hai bên đã khuyên ngăn, hàn gắn. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh N, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị có nguyện vọng được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Hoàng Phi L1, sinh ngày 12/11/2012 và Hoàng Kỳ A, sinh ngày: 01/02/2009. Hiện nay hai con vẫn đang cùng chung sống với anh chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập cho anh, nhưng anh vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh đối với người thân của anh N là bà Hà Thị T (Mẹ đẻ của anh N). Bà T cho biết: Việc ly hôn của anh N và chị L đã kéo dài, gia đình cũng đã động viên vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ, nhưng chị L cương quyết ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh N và chị L có 02 con chung là Hoàng Phi L1, sinh ngày 12/11/2012 và Hoàng Kỳ A, sinh ngày: 01/02/2009. Các cháu đang ở với mẹ, anh N đi làm cũng gửi tiền về nuôi con. Anh N đi làm nhưng dịp nghỉ cuối tuần, lễ tết vẫn về nhà. Gần đây nhất nghỉ 02/9/2025, anh N về và đến ngày 07/9/2025 mới đi. Bà T đã nhận các văn bản tố tụng của Toà án. Bà T đã cam đoan thông báo và giao lại cho anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Mai Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Hoàng Phi L1, sinh ngày 12/11/2012 và Hoàng Kỳ A, sinh ngày: 01/02/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên, chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Thị L làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Hoàng Văn N trú tại: Thôn T, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, việc chị L khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12-Thanh Hóa quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị Mai Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Hoàng Văn N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các thủ tục tố tụng đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị L và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã Đ, tỉnh Thanh Hóa) nên công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không tin tưởng, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn vì vậy chị L có nguyện vọng ly hôn với anh N. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Phi L1, sinh ngày 12/11/2012 và Hoàng Kỳ A, sinh ngày: 01/02/2009. Chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Cháu Hoàng Phi L1 có nguyện vọng ở với mẹ. Cháu Hoàng Kỳ A có nguyện vọng ở với bố, tuy nhiên anh Hoàng Văn N vắng mặt tại phiên toà, quá trình giải quyết vụ án không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Hiện nay các con đều ở cùng với chị L, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các con, giao cả 02 cháu L1 và cháu A cho chị Liên tiếp T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị L không có yêu cầu, nên không xem xét

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Mai Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là các cháu Hoàng Phi L1, sinh ngày 12/11/2012 và Hoàng Kỳ A, sinh ngày: 01/02/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu giải quyết. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số 0003133 ngày 08/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 - Thanh Hoá). Chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12-Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Diên Lư;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

